

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2025/HS-ST
Ngày 28 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Quang

Bà Lê Phi Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: I đường P, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Phạm Thành Đ, sinh ngày 11 tháng 7 năm 1978, nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: C P, Phường E, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Như trên; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Công V (đã chết) và bà Đào Thị H, sinh năm: 1945; vợ Đỗ Thị T, sinh năm: 1982; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án: Bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2022/HSST ngày 12/01/2022), chấp hành xong án phạt tù vào ngày 04/8/2022; tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 24 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân” (Bản án số 06/HS-ST ngày 22/01/1999). Bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 05 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt 24 tháng tù của Bản án số 06/HSST ngày 22/01/1999 của Tòa án nhân dân Quận 10 về tội “Cướp giật tài sản của công dân”, buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 07 năm tù (Bản án số 1554/HSST ngày 28/7/1999), chấp hành xong án phạt tù vào ngày 20/12/2003. Bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử lý vi phạm hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc với thời hạn 24 tháng (Quyết định số: 348 ngày 19/7/2010); bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Ngọc Minh Q, sinh ngày 21 tháng 6 năm 1982, nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 2 M, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Như trên; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo T; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn N, sinh năm: 1952 và bà Trần Thị M, sinh năm: 1953; có 03 người con Trần Nhật P, Trần Nhật N1 và Trần Nhật M1; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án hình sự phúc thẩm số 82/HSPT ngày 30/11/2001), chấp hành xong án phạt tù vào ngày 03/8/2002. Bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án (Bản án hình sự sơ thẩm số 497/HSST ngày 29/12/2004); bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Ngọc T1, sinh ngày 02 tháng 6 năm 1993, nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 3 P, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con Trần Ngọc S và bà Đinh Thị L, sinh năm: 1960; có 01 người con Trần Thiện N2, sinh năm: 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Cướp tài sản” (Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2009/HSST ngày 29/5/2009). Bị Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án hình sự sơ thẩm số 188/2016/HSST ngày 15/6/2016). Bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2018/HSST ngày 31/10/2018), chấp hành xong án phạt tù vào ngày 21/9/2020; bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Hữu Thanh P1, sinh ngày 13 tháng 6 năm 1995, nơi sinh: Bình Thuận; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A N, KP X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận; nơi ở hiện tại: B Hồ V, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ chụp hình cưới; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu P2, sinh năm: 1974 và bà Lê Thị Ngọc D, sinh năm: 1973; vợ Nguyễn Ngọc Minh T2 và 01 người con Nguyễn Ngọc An N3, sinh năm: 2020; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Nguyễn Thị Thùy M2, sinh ngày 14 tháng 11 năm 1993, nơi sinh: Tiền Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: A ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nơi ở hiện tại: Căn hộ TB1-17-15 chung cư B, số A P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đông H1, sinh năm: 1973 và bà Mai Thị Thùy N4, sinh năm: 1974; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Hồ Hải T3, sinh ngày 17 tháng 01 năm 1993, nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1 Đ, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Như trên; nghề nghiệp: Tài xế xe ôm công nghệ; trình độ văn

hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Hải T4, sinh năm: 1963 và bà Đặng Thị Thu H2, sinh năm: 1965; có vợ Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh năm: 1993; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Thị Kim A, sinh ngày 26 tháng 01 năm 1993, nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 5 Đ, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo T; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M3, sinh năm: 1955 và bà Đặng Kim L1, sinh năm: 1963; hoàn cảnh gia đình có 02 anh em, bị cáo là con út; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8. Lê Hải A, sinh ngày 29 tháng 12 năm 1995, nơi sinh: Tiền Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang; nơi ở hiện tại: Ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Thợ chăn nuôi heo; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D2, sinh năm: 1972 và bà Đinh Thị T5, sinh năm: 1970; hoàn cảnh gia đình có 02 anh em, bị cáo là con út; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 08/11/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty TNHH T10

Trụ sở: Lô E-13-CN đường NA3, khu công nghiệp M, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Trần Anh T6; nơi cư trú: Căn hộ G chung cư G, số A P, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH T10 (Văn bản ủy quyền số 22/2024/POA-OFV ngày 31 tháng 5 năm 2024 và số 23012025/POA-OFV ngày 23 tháng 01 năm 2025) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Đỗ Thị L2, sinh năm: 1982

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: E đường N, ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An

Nơi ở hiện tại: G N, Phường D, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Mỹ D1, sinh năm: 1993

Địa chỉ: 4 đường P, khu phố B, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Bé C, sinh năm: 1991

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An

Nơi ở hiện tại: B Hồ V, Phường I, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Bị đơn dân sự: Công ty Cổ phần D4

Trụ sở: số H Đường D, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự: Ông Nguyễn Ba D3; trú tại: 9.06 chung cư C, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của bị đơn dân sự (Tổng giám đốc Công ty Cổ phần D4) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 17/5/2024, chị Trần Anh T6 (là quản lý Công ty TNHH T10) vào kho công ty tại lầu 17 tòa nhà P, địa chỉ số H P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh nhìn thấy tủ đựng máy tính bảng bị hư ổ khóa và cửa mở ra, phát hiện bị mất 02 hộp máy tính bảng. Do chị T6 bị bệnh phải nằm viện điều trị nên đến ngày 31/5/2024, chị T6 liên hệ an ninh tòa nhà yêu cầu kiểm tra camera giám sát nghi vấn Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q là bảo vệ tòa nhà lấy trộm tài sản, sau đó chị T6 kiểm tra phát hiện bị mất trộm 29 máy tính bảng hiệu Samsung, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb kèm cục sạc. Ngày 03/6/2024, chị T6 đến Công an P3, quận T báo tin về tội phạm. Quá trình điều tra xác định:

1. Về hành vi “Trộm cắp tài sản” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” do Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q thực hiện:

- Đối với hành vi “Trộm cắp tài sản”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”: Bản thân Phạm Thành Đ là nhân viên của Công ty Cổ phần D4, Đ được phân công thực hiện nhiệm vụ tuần tra bảo vệ tại tòa nhà P, địa chỉ số H P, Phường B, Quận T. Do cần tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, Phạm Thành Đ nảy sinh ý định lấy trộm tài sản tại kho Công ty TNHH T10 tại tầng A tòa nhà P. Vào lúc 21 giờ 43 phút ngày 14/5/2024, Phạm Thành Đ lên kho Công ty TNHH T10 tại tầng 17 tòa nhà P, Đ mở cửa đi vào kho chứa hàng lấy trộm 02 chiếc máy tính bảng hiệu Samsung, loại SM-T225, 32Gb và cất giấu vào chiếc áo đang mặc rồi rời khỏi kho tiếp tục làm việc. Với thủ đoạn tương tự, vào các ngày 15, 19, 21, 26 và 30/5/2024, Đ tiếp tục trộm cắp 09 máy tính bảng hiệu S1, loại SM-T225, 32Gb kèm cục sạc tại kho của Công ty TNHH T10. Sau khi trộm cắp xong, ngày 19/5/2024 Đ mang 02 máy tính bảng vừa trộm cắp được đến nhà Trần Ngọc Minh Q, tại số B M, Phường A, quận P bán cho Q với giá 1.500.000 đồng. Đ tiếp tục mang 08 máy tính bảng trộm cắp đến bán cho bà Đỗ Thị L2 là chủ cửa hàng điện thoại tại số G N, Phường D, quận P được tổng cộng số tiền 9.200.000 đồng, còn lại 01 máy tính bảng Đ để tại nhà của mình để sử dụng.

Ngoài 06 lần trộm cắp nêu trên, Phạm Thành Đ còn rủ Trần Ngọc Minh Q (là nhân viên bảo vệ mới của Công ty Cổ phần D4) trộm cắp 10 máy tính bảng hiệu S1, loại SM-T225, 32G kèm cục sạc trong kho của Công ty TNHH T10 vào các ngày 20, 21 và 23/5/2024. Sau khi trộm xong, Đ đã bán lại cho Q 10 máy tính bảng này với giá 5.100.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 103/KL-HĐĐGTS ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì 01 (một) máy tính bảng hiệu Samsung màu xám, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb, số Imei: 354338765672312; 01 (một) máy tính bảng hiệu Samsung màu bạc, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb, số Imei:

354338765370362; 01 (một) máy tính bảng hiệu Samsung màu xám, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb, số Imei: 354338765672478; 02 (hai) máy tính bảng hiệu Samsung màu bạc, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb, số Imei: 354338765671074 và 354338765370818; 04 (bốn) máy tính bảng hiệu Samsung màu xám, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb, số Imei: 354338765667189, 354338765668518, 354338765667130 và 354338765671108; 04 (bốn) máy tính bảng hiệu Samsung màu xám và màu bạc, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb, số Imei: 354338765670241, 354338765370610, 354338765371261 và 354338765370545; 03 (ba) máy tính bảng hiệu Samsung màu xám và màu bạc, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb, số Imei: 354338765667353, 354338765667346 và 354338765371212; 03 (ba) máy tính bảng hiệu Samsung màu xám và màu bạc, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb, số Imei: 354338765370644, 354338765671983 và 354338765672700; 02 (hai) máy tính bảng hiệu Samsung màu xám, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb, số Imei: 354338765669730 và 354338765669235 có tổng giá trị là 50.400.000đ (Năm mươi triệu bốn trăm nghìn) đồng.

- Đối với hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”:

Sau khi tiếp nhận tin báo về tội phạm của chị Trần Anh T6, Công an P3, quận T tiến hành mời làm việc đối với Trần Ngọc Minh Q và kiểm tra phát hiện trong túi quần của Trần Ngọc Minh Q đang mặc có 02 gói nylon bên trong có chứa tinh thể không màu. Tại Kết luận giám định số 6743/KL-KTHS ngày 11/6/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: Gói 1: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m1 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3700g (không phải ba bảy không không gam), loại Ketamine. Gói 2: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m2 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,7529g (không phải bảy năm hai chín gam), loại Methamphetamine. Nguồn gốc ma túy, Q khai mua 2,5 gam ma túy đá của Nguyễn Hữu Thanh P1 vào ngày 03/6/2024 với giá 1.400.000 đồng về sử dụng, phần còn lại 0,7529 gam Methamphetamine bị thu giữ; còn 0,3700 gam ma túy loại Ketamine Q mua của đối tượng không rõ lai lịch tại C để sử dụng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Thành Đ tại địa chỉ số C P, Phường E, quận T, Cơ quan Công an thu được 01 gói nylon bên trong có chứa tinh thể không màu. Tại Kết luận giám định số 6743/KL-KTHS ngày 11/6/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: Gói 3: Tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m3 cần giám định (đã nêu ở mục II.1) là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2179g (không phải hai một bảy chín gam), loại Methamphetamine. Nguồn gốc ma túy, Đ khai mua 02 gam ma túy đá của Nguyễn Hữu Thanh P1 vào ngày 22/5/2024 với giá 1.200.000 đồng về sử dụng, còn lại 0,2179 gam Methamphetamine bị thu giữ.

Ngoài ra, Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q còn khai nhận mua ma túy của Nguyễn Hữu T7 P1 và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy 03 lần như sau:

Lần 1: Khoảng 15 giờ ngày 19/5/2024, sau khi trộm cắp tài sản của Công ty TNHH T10, Phạm Thành Đ đến nhà Trần Ngọc Minh Q bán 02 máy tính bảng Samsung mã SM-T225 dung lượng 32GB cho Q giá 1.500.000 đồng. Đ đã lấy 1.400.000 đồng đưa lại cho Q nói mua ma túy đá của Nguyễn Hữu Thanh P1 về sử

dụng. Q đã điện thoại cho P1 đặt mua 1.400.000 đồng ma túy đá và cho địa chỉ giao ma túy tại nhà Q. Khoảng 30 phút sau, P1 mang ma túy đá được bỏ hộp giấy hộp quà đến nhà Q tại số B M, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh giao cho Q và nhận 1.400.000 đồng. Q mang hộp giấy đi vào trong nhà lên lầu 2 mở ra bên trong có 2,5 gam ma túy đá. Q cho ma túy đá vào dụng cụ chơi ma túy để sử dụng. Q đốt và hít trước, rồi đến Đ hít ma túy đá sau. Sau khi sử dụng ma túy xong, Q chia số ma túy đá còn lại ra làm 02 phần bằng nhau để Q và Đ mỗi người giữ 01 phần ma túy đã sử dụng hết.

Lần 2: Khoảng 18 giờ ngày 22/5/2024, Phạm Thành Đ đã đưa cho Q 1.200.000 đồng nói mua ma túy đá về sử dụng. Q đã mua 02 gam ma túy đá rồi chia mỗi người $\frac{1}{2}$ số ma túy đá trên. Đ đã một mình sử dụng ma túy đá trong nhà vệ sinh tại trước tòa nhà P4 (địa chỉ: số H P, Phường B, quận T), còn lại 0,2179 gam Methamphetamine cất giấu tại nhà và bị tạm giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Thành Đ, riêng Q đã sử dụng hết $\frac{1}{2}$ số ma túy trên.

Lần 3: Ngày 03/6/2024, Q liên lạc với P1 mua 2,5 gam ma túy đá với giá 1.400.000 đồng và hẹn giao tại số H P, Phường B, quận T, Q sử dụng tài khoản Momo của Q chuyển vào tài khoản Momo của P1 số tiền 900.000 đồng, Q xin nợ lại 500.000 đồng thì P1 đồng ý. Sau đó, Q đã sử dụng ma túy đá trong nhà vệ sinh tại sảnh tầng trệt tòa nhà P, Q chia cho Đ 01 phần ma túy và phần còn lại cất giấu trong túi quần jean phía trước bên trái. Cùng ngày, Q mua ma túy loại Ketamine của một đối tượng (không rõ lai lịch) tại C cũng bỏ vào túi quần. Trên đường về nhà thì Q bị Công an P5, quận T kiểm tra tạm giữ 01 gói nylon chứa 0,7529 gam Methamphetamine, 01 gói nylon chứa 0,3700 gam Ketamine và dụng cụ sử dụng ma túy gồm 01 bình thủy tinh có cắm 01 nõ thủy tinh và 01 ống hút nhựa.

Kết quả xét nghiệm, Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q có kết quả dương tính với ma túy đá (MET) và MDMA.

2. Về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” do Nguyễn Hữu Thanh P1 và Trần Ngọc T1 thực hiện:

- Khoảng tháng 02/2024, thông qua một người bạn tên T8 (không rõ lai lịch), Trần Ngọc T1 quen biết Nguyễn Hữu Thanh P1, rồi kết bạn với nhau qua tài khoản zalo Huy N5 (số điện thoại đăng nhập 0907512538) của T1 và tài khoản zalo “Phong N6” (số điện thoại đăng nhập là 0399574745) của P1. Trong lúc trò chuyện, T1 biết P1 sử dụng ma túy. Khoảng một tuần sau, P1 đã liên lạc với T1 qua zalo để hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá, T1 đồng ý và thỏa thuận giao ma túy trước chung cư trên đường P, quận G (khu C). Sau đó, P1 nhiều lần mua ma túy của T1 để sử dụng và bán cho khách. Khoảng hai tuần sau, P1 tiếp tục gọi zalo cho T1 hỏi mua ma túy đá với số tiền 1.000.000 đồng. T1 nói P1 đến đường P, quận G (khu C) nhận ma túy đá. T1 gọi điện cho H3 (không rõ lai lịch) nói H3 đem 2,5 gam ma túy đá qua đường P giao cho T1, T1 trả cho H3 800.000 đồng, rồi T1 mang số ma túy này giao cho P1 tại đường P, quận G và nhận 1.000.000 đồng, hưởng lợi được 200.000 đồng. T1 nói với P1 là khi nào cần mua ma túy thì P1 điện cho T1 để T1 nói H3 giao ma túy cho P1 và chuyển trả tiền mua ma túy vào tài khoản số 0795630693, chủ tài khoản Chau Xuan M4 mở tại Ngân hàng H4. Sau đó, P1 đã 06 lần đặt mua ma túy của T1 và H3 rồi P1 sử dụng tài khoản số 0071001078244 mở tại Ngân hàng V1 chuyển tổng số tiền 7.200.000 đồng vào tài khoản số 0795630693, chủ tài khoản Chau Xuan M4, mở tại

Ngân hàng H4 để trả tiền mua ma túy đá với mục đích để sử dụng và bán cho khách, cụ thể:

Lần 1: Ngày 16/3/2024, P1 điện thoại cho T1 hỏi mua ma túy đá và T1 đã điện thoại cho H3 để H3 bán 2,5 gam ma túy đá cho P1 với số tiền 1.300.000 đồng, H3 đã cho T1 0,5 gam ma túy đá để T1 sử dụng.

Lần 2: Ngày 16/3/2024, P1 điện thoại cho T1 hỏi mua ma túy đá và T1 đã điện thoại cho H3 để H3 bán 2,5 gam ma túy đá cho P1 với số tiền 1.200.000 đồng, H3 đã cho T1 0,5 gam ma túy đá để T1 sử dụng.

Lần 3: Ngày 19/3/2024, P1 đã trực tiếp điện thoại đặt mua 2,5 gam ma túy đá của H3 với số tiền 1.200.000 đồng.

Lần 4: Ngày 28/5/2024, P1 đã trực tiếp điện thoại đặt mua 2,5 gam ma túy đá của H3 với số tiền 1.000.000 đồng.

Lần 5: Ngày 28/5/2024, P1 đã trực tiếp điện thoại đặt mua 0,8 gam ma túy đá của H3 với số tiền 500.000 đồng.

Lần 6: Ngày 03/6/2024, P1 đã trực tiếp điện thoại đặt mua 2,5 gram ma túy đá của H3 với số tiền 2.000.000 đồng.

Tổng cộng T1 đã trực tiếp bán ma túy đá cho P1 01 lần và 02 lần làm trung gian giới thiệu để H3 bán ma túy đá cho P1 với tổng số ma túy đá là 7,5 gam, hưởng lợi 200.000 đồng và 01 gam ma túy đá từ H3; còn P1 ngoài mua 7,5 gam ma túy đá của T1 thì P1 còn trực tiếp mua 8,3 gam ma túy đá từ H.

- Ngoài ra, Nguyễn Hữu Thanh P1 còn khai nhận đã bán trái phép chất ma túy cho Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q như sau: Khoảng tháng 02/2024, P1 quen biết Phạm Thành Đ là bảo vệ giữ xe tại toà nhà số H P, Phường B, quận T, P1 biết Đ đang sử dụng ma túy nên P1 sử dụng số điện thoại 0399574745 (do P1 đứng tên đăng ký thuê bao) trao đổi với Đ số điện thoại 0338233358 để liên lạc mua bán ma túy. Sau vài lần mua ma túy của P1, Đ tiếp tục nói cho P1 biết là Trần Ngọc Minh Q cũng sử dụng ma túy và giới thiệu Q mua ma túy của P1. Sau đó, Q sử dụng số điện thoại 0397913185 của Q để liên lạc với P1 mua ma túy. P1 đã bán ma túy cho Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q như sau:

+ Đối với Phạm Thành Đ: P1 đã bán ma túy đá cho Đ 07 lần với tổng số tiền là 2.400.000 đồng, nguồn gốc ma túy đá do P1 mua của Trần Ngọc T1 07 lần với tổng số tiền 1.900.000 đồng, P1 đã thu lợi là 500.000 đồng. Hình thức thanh toán Đ sử dụng tài khoản số 0338233358 mở tại Ngân hàng TMCP Q1 tên Phạm Thành Đ chuyển tiền cho P1 (P1 trả tiền mặt cho T1 để mua ma túy). P1 trực tiếp giao ma túy cho Đ 01 lần ở gần nhà của Đ tại đường P, Phường E, quận T và 06 lần còn lại P1 trực tiếp mang qua hoặc nhờ G mang qua giao cho Đ ở địa chỉ số H P, phường B, quận T, cụ thể:

Lần 1: Ngày 14/02/2024, P1 bán ma túy đá cho Đ với giá 300.000 đồng tại đường P, quận T. Nguồn gốc ma túy bán cho Đ do P1 mua của Trần Ngọc T1 với giá 250.000 đồng, P1 thu lợi được 50.000 đồng.

Lần 2: Ngày 17/02/2024, P1 bán ma túy đá cho Đ với giá 200.000 đồng tại đường P, quận T. Nguồn gốc ma túy bán cho Đ là do P1 mua của Trần Ngọc T1 với giá 200.000 đồng.

Lần 3: Ngày 18/02/2024, P1 bán ma túy đá cho Đ với giá 400.000 đồng tại đường P, quận T, Đ chuyển khoản P1 qua ngân hàng. Nguồn gốc ma túy bán cho Đ là do P1 mua của Trần Ngọc T1 với giá 300.000 đồng, P1 thu lợi 100.000 đồng.

Lần 4: Vào ngày 20/02/2024, P1 bán cho Đ ma túy đá (cất giấu trong hộp quà bằng giấy) với giá 400.000 đồng thanh toán chuyển khoản, đặt xe công nghệ G đến giao Đ tại số H P, Phường B, quận T. Nguồn gốc ma túy bán cho Đ là do P1 mua của Trần Ngọc T1 với giá 300.000 đồng, P1 lời được 100.000 đồng.

Lần 5: Ngày 21/02/2024, P1 bán cho Đ ma túy đá (cất giấu trong hộp quà bằng giấy) với giá 300.000 đồng thanh toán chuyển khoản, đặt xe công nghệ G đến giao cho Đ tại số H P, Phường B, quận T. Nguồn gốc ma túy, P1 mua của Trần Ngọc T1 với giá 250.000 đồng, P1 thu lợi được 50.000 đồng.

Lần 6: Ngày 22/02/2024, P1 bán cho Đ ma túy đá (cất giấu trong hộp quà bằng giấy) với giá 400.000 đồng và 40.000 đồng tiền vận chuyển thanh toán chuyển khoản, đặt xe công nghệ G đến giao cho Đ tại số H P, Phường B, quận T. Nguồn gốc ma túy, P1 mua của Trần Ngọc T1 với giá 300.000 đồng, P1 lời được 100.000 đồng.

Lần 7: Ngày 17/4/2024, P1 bán cho Đ ma túy đá (cất giấu trong hộp quà bằng giấy) với giá 400.000 đồng và 30.000 đồng tiền vận chuyển thanh toán chuyển khoản, đặt xe công nghệ G đến giao cho Đ tại số H P, Phường B, quận T. Nguồn gốc ma túy, P1 mua của Trần Ngọc T1 với giá 300.000 đồng, P1 lời được 100.000 đồng.

+ Đối với Trần Ngọc Minh Q: Nguyễn Hữu Thanh P1 đã bán ma túy đá cho Q 03 lần với khối lượng 07 gam ma túy đá với tổng số tiền là 4.000.000 đồng, nguồn gốc ma túy đá do P1 mua của Trần Ngọc T1 03 lần với tổng số tiền 3.700.000 đồng, P1 thu lợi được 300.000 đồng, cụ thể như sau:

Lần 1: Khoảng 15 giờ 30 ngày 19/5/2024, P1 bán cho Trần Ngọc Minh Q 2,5 gam ma túy đá, P1 bỏ ma túy đá cất giấu trong hộp quà bằng giấy đến bán với giá 1.400.000 đồng tại địa chỉ 2 M, Phường A, quận P và Q trả tiền mặt cho P1. Nguồn gốc 2,5 gam ma túy đá này do P1 mua của Trần Ngọc T1 với giá 1.300.000 đồng, P1 thu lợi được 100.000 đồng.

Lần 2: Ngày 22/5/2024 P1 mang 02 gam ma túy đá cất giấu trong hộp quà bằng giấy đến bán cho Trần Ngọc Minh Q với giá 1.200.000 đồng giao qua số H P, Phường B, quận T và Q trả tiền mặt cho P1. Nguồn gốc ma túy đá này do P1 mua của Trần Ngọc T1 giá 1.100.000 đồng, P1 thu lợi được 100.000 đồng.

Lần 3: Ngày 03/6/2024 P1 bán 2,5 gam ma túy đá cho Trần Ngọc Minh Q giá 1.400.000 đồng, P1 đặt xe công nghệ G chuyển đến số H P, Phường B, quận T và Q dùng Momo của Q chuyển qua Momo của P1 số tiền 900.000 đồng, Q xin P1 thiếu lại 500.000 đồng và P1 đồng ý. Nguồn gốc 2,5 gam ma túy đá này do P1 mua của Trần Ngọc T1 giá 1.300.000 đồng. P1 thu lợi được 100.000 đồng.

Kết quả xét nghiệm Nguyễn Hữu Thanh P1 dương tính với ma túy đá (MET), còn Trần Ngọc T1 dương tính với ma túy đá (MET) và thuốc lắc (MDMA).

3. Về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, “Mua bán trái phép chất ma túy” do Trần Ngọc T1, Nguyễn Thị Thùy M2, Hồ Hải T3, Lê Hải A, Nguyễn Thị Kim A thực hiện như sau:

Tại Cơ quan điều tra, Trần Ngọc T1 khai nhận: Vào ngày 26/5/2024, T1 giúp Nguyễn Thị Thùy M2 thuê Căn hộ TB1-17-15 Chung cư B tại địa chỉ A P, Phường

B, quận T để ở. Khoảng 21 giờ 45 phút ngày 28/5/2024, T1 nhắn tin rủ Hồ Hải T3 đến căn hộ này nhậu và nói T3 mang theo loa, đèn. T3 đã chở Nguyễn Thị Mỹ D1 (vợ T3) đến căn hộ TB1 – 17.15 nhậu cùng với Trần Ngọc T1 và Nguyễn Thị Thùy M2. Trong lúc nhậu, T1 nói với M2, D1 và T3 sử dụng ma túy thì M2, D1, T3 đều đồng ý sử dụng ma túy tại phòng này. Lúc này, T1 gọi điện thoại cho H3 giao ma túy qua địa chỉ A P, Phường B, quận T gồm 02 viên thuốc lắc, một ít Ketamine và một ít ma túy đá cùng 01 dụng cụ nỏ để hút ma túy đá, khoảng 30 phút sau T1 nhận được số ma túy trên. Sau khi nhậu xong, T1 đã lấy ma túy đá, Ketamine, thuốc lắc (MDMA) cho T3, D1 và M2 sử dụng. T3 đi đến vị trí quầy bar kế bếp ăn lấy 01 hộp giấy đựng 2 con kẹo (là thuốc lắc MDMA), 01 bịch nylon chứa ma túy đá và 01 bịch nylon đựng Ketamine. T3 lấy 01 con kẹo để kế bên hộp giấy này rồi cùng D1 dọn dẹp chỗ nhậu ở phòng khách. Khoảng 15 phút sau T3 thấy M2 và T1 đi vào phòng ngủ lớn, T3 lấy 01 viên ma túy thuốc lắc (viên kẹo) bẻ đôi chia cho D1 một nửa để T3 và D1 bỏ nửa viên thuốc lắc vào miệng và uống nước ngọt vào. T3 và D1 đi vào phòng ngủ nhỏ để bay lắc, sau đó M2 đi qua phòng nhờ T3 chế biến Ketamine cho M2 chơi. T3 vào phòng ngủ lớn lấy bịch Ketamine đang để trên giường mang đến khu vực bếp dùng thẻ ATM của T1 để trên giường tán nhỏ và kẻ khoảng 03 đường trên đĩa màu trắng và lấy tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng của T3 quán lại thành dạng ống hút. T3 cầm đĩa có Ketamine đã được kẻ sẵn và ống hút vào phòng ngủ lớn đưa cho M2 sử dụng. Lúc này, T3 nhìn thấy trên bàn kế giường đặt 01 bình nước bằng nhựa bên trên có 01 cái nỏ được gắn vào ống hút (dụng cụ dùng để hút ma túy đá) và có nhiều khói trắng, phòng có mùi hôi nên T3 quay về phòng ngủ nhỏ với D1 để tiếp tục bay lắc. Tiếp đó, M2 qua phòng ngủ nhỏ rủ T3 và D1 qua phòng M2 chơi chung. Khi T3 và D1 đi qua phòng M2 không nhìn thấy T1 thì T3 nhắn tin hỏi và T1 trả lời về nhà thăm con. T3 mệt nằm nghỉ cho đến khi T1 quay lại thì T3 và D1 về phòng ngủ nhỏ nghỉ ngơi đến 02 giờ cùng ngày cả 02 người đi về.

Ngoài ra, Hồ Hải T3 còn khai nhận 02 lần mua ma túy của Nguyễn Thị Kim A như sau:

Lần 1: Ngày 11/3/2024, T3 liên lạc với Nguyễn Thị Kim A mua 05 gam cần sa với giá 600.000 đồng. Kim A đã sử dụng tài khoản Messenger “Nguyen Kim A” nhắn tin tài khoản “Toro Bravo” của Lê Hải A hỏi mua 05 gam cần sa và nhắn địa chỉ giao tại số A Đ, Phường A, quận P (nhà của T3), Lê Hải A đồng ý. Khoảng 30 phút sau, T3 nhận được 05 gam cần sa và T3 đến địa chỉ 2 Đ, Phường A, quận P đưa cho Kim A trả 600.000 đồng tiền mua cần sa. Sau đó Kim A đã sử dụng tài khoản T11 của Kim A chuyển 550.000 đồng tiền mua cần sa vào tài khoản V1 số 101291585 đứng tên Lê Hải A, Kim A hưởng lợi 50.000 đồng tiền hoa hồng. Sau khi mua được cần sa, T3 mang về sử dụng một mình tại nhà số A Đ, Phường A, quận P.

Lần 2: Ngày 29/5/2024, Lê Hải A bán 05 gam cần sa với giá 450.000 đồng cho Kim A tại địa chỉ 2 Đ, Phường A, quận P. Sau đó, Kim A gọi T3 đến địa chỉ trên để nhận 05 gam cần sa, T3 đưa cho Kim A 600.000 đồng và 50.000 đồng tiền giao hàng. Kim A chuyển 450.000 đồng vào tài khoản V1 số 101291585 đứng tên Lê Hải A và hưởng tiền hoa hồng 200.000 đồng. Ngày 04/6/2024, T3 lấy cần sa bỏ vào hộp (màu đỏ, dạng hình tròn) xay nhỏ bỏ vào tẩu thuốc châm lửa và hút tại ban công tầng 3 căn nhà địa chỉ 1 Đ, Phường A, quận P. T3 hút cần sa xong thì bỏ đi, sau đó D1 mới hút số cần sa còn lại trong tẩu. Nguồn gốc tẩu thuốc và hộp quẹt, hộp (màu đỏ, dạng hình tròn) xay cần sa và số tiền 650.000 đồng mua 05 gam cần sa là tiền cá nhân của T3

chạy xe ôm mà có, D1 không góp tiền cần sa. Còn D1 khai vào ngày 04/6/2024, D1 thấy Hồ Hải T3 cầm tàu thuốc có chứa cần sa châm lửa hút tại ban công tầng 3 trước phòng ngủ của vợ chồng D1 tại căn nhà địa chỉ 1 Đ, Phường A, quận P, sau đó D1 tự đi đến lấy tàu hút. Nguồn gốc ma túy cần sa và dụng cụ sử dụng ma túy do T3 mua, D1 không có góp tiền mua cần sa và dụng cụ sử dụng cần sa,

Nguồn gốc 10 gam cần sa, Lê Hải A khai mua của người bán qua mạng Internet (không rõ lai lịch) với số tiền 900.000 đồng trả tiền mặt, A bán lại cho Nguyễn Thị Kim A 1.000.000 đồng vào ngày 11/3/2024 và 29/5/2024 bằng hình thức chuyển khoản và hưởng lợi 100.000 đồng. Kết quả khám xét chỗ ở của Hồ Hải T3 tại địa chỉ 1 Đ, Phường A, quận P thu giữ 01 túi nylon chứa thảo mộc khô dạng xay nhuyễn. Tại Kết luận giám định số 6941/KL-KTHS ngày 14/6/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m cần giám định (đã nêu ở mục II.1) có khối lượng 0,9671g (không phải chín sáu bảy một gam), là Cần sa.

Kết quả xét nghiệm: Hồ Hải T3 dương tính với cần sa và dương tính với thuốc lắc (MDMA); Nguyễn Thị Mỹ D1 dương tính với ma túy đá (MET) và thuốc lắc (MDMA); Nguyễn Thị Thùy M2 dương tính với ma túy đá (MET); còn Nguyễn Thị Kim A âm tính ma túy.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T, Phạm Thành Đ, Trần Ngọc Minh Q, Trần Ngọc T1, Nguyễn Hữu Thanh P1, Nguyễn Thị Thùy M2, Hồ Hải T3, Nguyễn Thị Kim A và Lê Hải A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

* Vật chứng thu giữ gồm:

- 27 (hai mươi bảy) hộp máy tính bảng S1 có mã SM-T225 dung lượng 32GB thu giữ của Công ty TNHH T10.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đen, đã qua sử dụng; 01 vỏ hộp nước hoa Doci Perfume bên trong có chứa: 01 nỏ thủy tinh, 01 ống hút bằng nhựa, 01 vỏ chai nước sting nắp chai có khoét 02 lỗ và 01 hột quet hiệu Hoa Việt thu giữ của Nguyễn Hữu Thanh P1.

- 02 (hai) gói ny lông bên trong có chứa tinh thể không màu (sau khi đã sử dụng phục vụ giám định thì trọng lượng còn lại 01 gói là 0,6723 gram Methamphetamine và 01 gói là 0,2926 gram Ketamine) đã được niêm phong; 01 bình thủy tinh có cắm 01 nỏ thủy tinh và 01 ống hút nhựa, 01 hột quet gas; 02 túi xách; 01 điện thoại di động hiệu Galaxy A7 (2018) màu đen, imei 1: 353465101226254, imei 2: 353466101226252, tình trạng đã qua sử dụng, có gắn 01 sim số 0397913185; 01 quần tây đen dài và 01 áo bảo vệ xanh đã qua sử dụng thu giữ của Trần Ngọc Minh Q.

- 01 (một) gói ny lông bên trong có chứa tinh thể trong suốt (sau khi đã sử dụng phục vụ giám định thì trọng lượng còn lại 0,1668 gram Methamphetamine) đã được niêm phong; 01 quần tây đen dài đã qua sử dụng, 01 áo bảo vệ màu xanh tay dài đã qua sử dụng thu giữ của Phạm Thành Đ.

- 01 (một) túi nylon màu trắng bên trong có chứa thảo mộc khô dạng xay nhuyễn (là cần sa, trọng lượng còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định là 0,5299 gram) đã niêm phong; 01 cục xay bằng kim loại màu đỏ hình trụ dùng để say nhuyễn cần sa; 01 cân điện tử màu bạc dùng để cân trọng lượng cần sa; 01 chiếc tàu hình chữ T bằng kim loại màu xám có gắn ống thủy tinh dùng để hút cần sa; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu xám, tình trạng đã qua sử dụng thu giữ của Hồ Hải T3.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 (số seri máy: R5CWC2RXCBT, IMEI 1: 350518430312968, IMEI 2: 355338500912964), tình trạng máy đã qua sử dụng (bên trong không có gắn sim điện thoại); 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 Fold2 5G (số seri máy: R5CNC0WE39Y, IMEI 1: 354156124775182, IMEI 2: 359662904775180), tình trạng máy đã qua sử dụng thu giữ của Trần Ngọc T1.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu trắng, imei: 353978109025015, Imei 2: 353978109346817, có gắn 01 sim; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 4G màu xanh dương, Imei: 355406842699746, tình trạng đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thị Kim A.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 Galaxy Z F0LD3 5G màu vàng hồng, I: 35101429342949/0, tình trạng đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thị Mỹ D1.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi 12X màu bạc 128GB, imei 1: 867129053953534, Imei 2: 867129053953542, tình trạng đã qua sử dụng thu giữ của Nguyễn Thị Thùy M2.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen, dung lượng 256GB, imei: 354858090251771, bị bể màn hình, tình trạng cũ thu giữ của Lê Hải A.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 Galaxy A32 màu trắng, tình trạng đã qua sử dụng thu giữ của bà Nguyễn Thị Bé C.

- 01 (một) cái đĩa sứ hình tròn, màu trắng, đường kính 18cm, phần đáy đĩa có vết ám màu đen.

- Số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng.

- 13 (mười ba) máy tính bảng hiệu S1, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q trộm cắp của Công ty TNHH T10.

Bản cáo trạng số 47/CTr-VKS-TB ngày 07 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Phạm Thành Đ về tội “Trộm cắp tài sản”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 2 Điều 173, điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm a, h khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Ngọc Minh Q về tội “Trộm cắp tài sản”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 173, điểm i khoản 1 Điều 249, điểm a khoản 2 Điều 255 và khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Trần Ngọc T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 và điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Hữu Thanh P1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Thùy M2 và Hồ Hải T3 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Kim A và Lê Hải A về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội cũng như xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Thành Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức

sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Trần Ngọc Minh Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; bị cáo Trần Ngọc T1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; các bị cáo Nguyễn Hữu T7 Phong Nguyễn Thị Kim A và Lê Hải A phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; các bị cáo Nguyễn Thị Thùy M2 và Hồ Hải T3 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, h khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Phạm Thành Đ từ 04 năm đến 05 năm tù về tội trộm cắp tài sản, từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và từ 09 năm đến 10 năm tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt từ 14 năm 06 tháng đến 17 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 2 Điều 255; khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Trần Ngọc Minh Q từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản, từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Tổng hợp hình phạt từ 12 năm 06 tháng đến 15 năm tù.

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Trần Ngọc T1 từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm 06 tháng tù về mua bán trái phép chất ma túy và từ 08 năm đến 09 năm tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt từ 16 năm 06 tháng đến 18 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; Điều 38 và điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Thanh P1 từ 08 năm đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy M2 từ 07 năm đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38 và điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt bị cáo Hồ Hải T3 từ 07 năm đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38 và điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Kim A và Lê Hải A từ 07 năm đến 08 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Bị cáo trình bày lời bào chữa: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, các bị cáo không bào chữa và không tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

Bị cáo Phạm Thành Đ: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã ăn năn hối cải, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Ngọc Minh Q: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Trần Ngọc T1: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình đã gây ảnh hưởng xấu đến xã hội, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất, để bị cáo được sớm trở về gia đình nuôi con nhỏ.

Bị cáo Nguyễn Hữu Thanh P1: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo thấy hối hận về hành vi của mình, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Thùy M2: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái do mình gây ra, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất, để bị cáo được sớm trở về gia đình chăm sóc hai con nhỏ và mẹ già.

Bị cáo Hồ Hải T3: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái do mình gây ra, bị cáo rất ăn năn hối lỗi, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố cho bị cáo hưởng mức án nhẹ nhất, để bị cáo được sớm trở về gia đình, có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành công dân tốt cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Thị Kim A: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình đã gây ảnh hưởng xấu đến xã hội, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố giảm nhẹ hình phạt, để bị cáo được sớm trở về gia đình phụng dưỡng cha mẹ của mình.

Bị cáo Lê Hải A: Trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã nhận thức được hành vi sai trái của mình, bị cáo rất hối hận, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố cho bị cáo hưởng mức án nhẹ, để bị cáo được sớm trở về gia đình và làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Công an quận T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và bị đơn dân sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bà Trần Anh T6 là người đại diện theo ủy quyền của bị hại Công ty TNHH T10; bà Đỗ Thị L2, bà Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Nguyễn Thị Bé C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

đến vụ án và ông Nguyễn Ba D3 là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần D4 là bị đơn dân sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt (bà Trần Anh T6, bà Nguyễn Thị Mỹ D1 và ông Nguyễn Ba D3 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). Quá trình điều tra đã có lời khai của đại diện Công ty TNHH T10; bà Đỗ Thị L2, bà Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Nguyễn Thị Bé C và đại diện Công ty Cổ phần D4, việc vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử, căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Trần Anh T6, bà Đỗ Thị L2, bà Nguyễn Thị Mỹ D1, bà Nguyễn Thị Bé C và ông Nguyễn Ba D3.

[3] Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo Phạm Thành Đ, Trần Ngọc Minh Q, Trần Ngọc T1, Nguyễn Hữu Thanh P1, Nguyễn Thị Thùy M2, Hồ Hải T3, Nguyễn Thị Kim A và Lê Hải Á phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như lời khai của bị hại Công ty TNHH T10, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Đỗ Thị L2, bà Nguyễn Thị Mỹ D1 và bà Nguyễn Thị Bé C, Biên bản nhận dạng, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ trong vụ án, từ đó đã đủ cơ sở kết luận:

[3.1] Về hành vi trộm cắp tài sản do Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q thực hiện: Từ ngày 14/5/2024 đến ngày 30/5/2024, Phạm Thành Đ một mình lén lút đột nhập vào nhà kho Công ty TNHH T10, tại lầu 17 tòa nhà P, địa chỉ số H P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện hành vi trộm cắp 11 máy tính bảng hiệu Samsung, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb trị giá 26.400.000 đồng. Với thủ đoạn tương tự, từ ngày 20/5/2024 đến ngày 23/5/2024, Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q đã 03 lần trộm cắp 10 máy tính bảng hiệu Samsung, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb tại kho Công ty TNHH T10 trị giá 24.000.000 đồng. Do đó, các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Mặc dù, quá trình điều tra đại diện Công ty TNHH T10 khai ngoài mất 21 máy tính bảng nêu trên, Công ty TNHH T10 còn bị mất trộm 08 máy tính bảng hiệu Samsung, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb khác, nhưng ngoài lời khai của đại diện Công ty TNHH T10 thì không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh; bên cạnh đó Cơ quan điều tra đã lấy lời khai của Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q, nhưng Đ và Q không thừa nhận việc này. Kết quả điều tra không có cơ sở kết luận Đ và Q có liên quan đến 08 máy tính bảng này. Do đó, Phạm Thành Đ chỉ phải chịu trách nhiệm chung trên tổng tài sản 21 máy tính bảng đã trộm cắp của Công ty TNHH T10, còn Trần Ngọc Minh Q chỉ phải chịu trách nhiệm trên 10 máy tính bảng đã trộm cắp cùng với Phạm Thành Đ. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo Phạm Thành Đ theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố bị cáo Trần Ngọc Minh Q theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3.2] Về hành vi tiêu thụ tài sản do Trần Ngọc Minh Q thực hiện: Trần Ngọc Minh Q tuy không hứa hẹn trước nhưng khi biết rõ 02 máy tính bảng hiệu Samsung, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb là do Phạm Thành Đ trộm cắp của người khác mà có, bị cáo vẫn thực hiện hành vi mua bán tài sản này. Theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì trị giá 02 máy tính bảng hiệu Samsung, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb là 4.800.000 đồng. Do đó, bị cáo đã phạm tội

“Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.3] Về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy do Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q thực hiện: Do nghiện ngập và để nhằm thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q đã mua ma túy về sử dụng, cụ thể:

Đối với Phạm Thành Đ: Qua điều tra thu được một lượng ma túy mà Phạm Thành Đ cất giấu tại nơi ở của mình nhằm mục đích sử dụng. Theo Kết luận giám định của Phòng K Công an Thành phố H thì tinh thể không màu được ký hiệu mẫu m3 cần giám định thu giữ của Phạm Thành Đ là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2179g (không phẩy hai một bảy chín gam), loại Methamphetamine. Như vậy, hành vi nêu trên của Phạm Thành Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với Trần Ngọc Minh Q: Qua điều tra thu được một lượng ma túy khác nhau mà Trần Ngọc Minh Q cất giấu trong túi quần đang mặc trên người, Q khai ma túy đá mua của Nguyễn Hữu Thanh P1, còn ma túy loại Ketamine mua của đối tượng người đàn ông (chưa rõ lai lịch) tại C vào ngày 03/6/2024 nhằm mục đích sử dụng. Theo Kết luận giám định của Phòng K Công an Thành phố H thì tinh thể không màu thu giữ của Trần Ngọc Minh Q được ký hiệu mẫu m1 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3700g (không phẩy ba bảy không không gam), loại Ketamine và tinh thể không màu thu giữ của Trần Ngọc Minh Q được ký hiệu mẫu m2 cần giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,7529g (không phẩy bảy năm hai chín gam), loại Methamphetamine. Như vậy, cộng khối lượng của từng chất lại với nhau để xác định tổng khối lượng của 02 chất ma túy Ketamine và M5 là: 0,3700 gam + 0,7529 gam = 1,1229 gam. Đối chiếu tổng khối lượng của 02 chất ma túy với quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự, thì trong trường hợp này tổng khối lượng của 02 chất ma túy tương đương với khối lượng Ketamine và Methamphetamine được quy định tại điểm c, g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Theo quy định trường hợp thu được 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng của các chất đó tương đương với khối lượng chất ma túy quy định tại một trong các điểm (điểm c và điểm g khoản 1) của điều luật thì áp dụng khoản tương ứng “có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này”. Trong trường hợp này tổng khối lượng của 02 chất ma túy Ketamine và Methamphetamine thuộc trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình truy tố bị cáo Q theo tội danh, điểm khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3.4] Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy do Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q thực hiện: Từ ngày 19/5/2024 đến ngày 03/6/2024, Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q đã 03 lần cùng nhau góp tiền mua ma túy đá của Nguyễn Hữu T7 P1 về cùng sử dụng tại nhà Q tại số B M, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và ở nơi làm việc tại tòa nhà P, số H P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại nơi ở của mình, Q đã chuẩn bị công cụ cùng Đ sử dụng trái phép chất ma túy. Như vậy, với hành vi trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức

sử dụng trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Ngoài ra, trước đó Phạm Thành Đ đã bị kết án 03 năm tù về tội phạm rất nghiêm trọng “*Cưỡng đoạt tài sản*”, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2022/HSST ngày 12/01/2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo chấp hành xong án phạt tù vào ngày 04/8/2022. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 và điểm a khoản 2 Điều 53 Bộ luật Hình sự, trường hợp này của bị cáo Đ chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, nên xác định lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*”, đây là tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình truy tố bị cáo Phạm Thành Đ theo hai tình tiết định khung “*Phạm tội 02 lần trở lên*” và “*Tái phạm nguy hiểm*” nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3.5] Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy do Trần Ngọc T1 và Nguyễn Hữu Thanh P1 thực hiện: Vào khoảng tháng 02/2024, thông qua một người bạn tên T8 (không rõ lai lịch), Trần Ngọc T1 quen và biết Nguyễn Hữu T7 P1 sử dụng ma túy. Từ tháng 02/2024 đến ngày 03/6/2024, P1 đã đặt mua ma túy đá của T1 và H3 (không rõ lai lịch), trong đó 01 lần P1 trực tiếp mua từ Thiện và 02 lần P1 đặt mua ma túy của H3 thông qua T1 với tổng khối lượng 7,5 gam ma túy đá, 04 lần còn lại P1 đặt mua ma túy trực tiếp từ H3 với tổng khối lượng 8,3 gam ma túy đá, sau đó về phân nhỏ ra bán lại cho Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q để kiếm lời. Như vậy, hành vi nêu trên của Trần Ngọc T1 và Nguyễn Hữu Thanh P1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, i khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.6] Về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy do Trần Ngọc T1, Nguyễn Thị Thùy M2 và Hồ Hải T3 thực hiện: Vào ngày 28/5/2024, tại nơi ở của Nguyễn Thị Thùy M2, Trần Ngọc T1 đã chuẩn bị công cụ, rử rê và cung cấp ma túy cho Nguyễn Thị Thùy M2, Hồ Hải T3 và Nguyễn Thị Mỹ D1 sử dụng trái phép. Khi được T1 rử, M2 đồng ý tham gia và sử dụng địa điểm căn hộ TB1-17-15 chung cư B, tại số A P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh do mình trực tiếp quản lý để cho T1, T3 và D1 sử dụng trái phép chất ma túy, đồng thời M2 còn nhờ T3 phân kẻ ma túy Ketamine cho cả nhóm cùng sử dụng; còn T3 khi được T1 rử và M2 nhờ đã có hành vi sử dụng thẻ ngân hàng làm dụng cụ phân kẻ ma túy (Ketamine) và sử dụng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng quán thành ông hút làm dụng cụ để cả nhóm cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy. Như vậy, hành vi của Trần Ngọc T1, Nguyễn Thị Thùy M2 và Hồ Hải T3 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”, được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.7] Về hành vi mua bán trái phép chất ma túy do Nguyễn Thị Kim A và Lê Hải A thực hiện: Ngày 11/3/2024, Hồ Hải T3 liên lạc đặt mua 05 gam cần sa của Nguyễn Thị Kim A với giá 600.000 đồng, sau đó Kim A nhắn tin đặt mua 05 gam cần sa của Lê Hải A và nhắn giao ma túy tại nhà của Hồ Hải T3 tại số A Đ, Phường A, quận P. Sau khi nhận được 05 gam cần sa, T3 đến địa chỉ 2 Đ, Phường A, quận P trả K 600.000 đồng tiền mua cần sa, sau đó Kim A sử dụng tài khoản của mình chuyển 550.000 đồng tiền mua cần sa vào tài khoản số 101291585 mở tại V1 đứng tên Lê Hải A, Kim A hưởng lợi 50.000 đồng. Với thủ đoạn tương tự, Kim A tiếp tục đặt mua

05 gam cần sa của Lê Hải A vào ngày 29/5/2024 với giá 450.000 đồng về bán lại cho Lê Hải A để kiếm lời, T3 đã đưa cho Kim A 600.000 đồng và 50.000 đồng tiền giao hàng, Kim A hưởng lợi 200.000 đồng. Do đó, các bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Hành vi trộm cắp tài sản của Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bình thường của doanh nghiệp, góp phần làm xấu đi tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, nhưng vì động cơ tư lợi muốn có được tài sản mà không phải bỏ công sức lao động chân chính, đã bất chấp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của doanh nghiệp nên cần thiết phải xử lý nghiêm nhằm đề răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung.

[5] Hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có của Trần Ngọc Minh Q là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây khó khăn cho việc phát hiện, điều tra xử lý người phạm tội. Bản thân bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, biết rõ tài sản có nguồn gốc không hợp pháp nhưng do háms lợi nên vẫn cố ý thực hiện hành vi tiêu thụ tài sản, cho thấy bị cáo có thái độ coi thường pháp luật, nên cần thiết phải xử lý nghiêm và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm đề răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung.

[6] Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy do Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã không chỉ trực tiếp xâm phạm đến nền trật tự công cộng, đến các quy định của nhà nước về chính sách quản lý các chất gây nghiện mà các bị cáo còn tiếp tay cho tệ nạn ma túy ngày càng phát triển, góp phần làm xấu đi tình hình trật tự trị an xã hội. Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, ma túy là một tệ nạn xã hội nguy hiểm, nó không chỉ hủy hoại sức khỏe con người mà còn là nguyên nhân lây lan, phát triển căn bệnh HIV-AIDS và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Vì những tác hại của ma túy nên Đảng và Nhà nước ta cũng như các quốc gia khác trên thế giới luôn kiên quyết đấu tranh loại trừ ra khỏi đời sống xã hội đối với loại tội phạm này. Nhân thân các bị cáo xấu, đã từng bị kết án về các tội cưỡng đoạt tài sản, trộm cắp tài sản, cướp giật tài sản của công dân, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và bị đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc, lẽ ra sau khi thi hành xong các bản án, quyết định nêu trên các bị cáo phải lấy đó làm bài học để rèn luyện, tu dưỡng bản thân, chí thú làm ăn lương thiện, để xây dựng tương lai cho mình, nhưng các bị cáo lại tiếp tục sa vào con đường nghiện ngập, để thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, các bị cáo đã mua ma túy về tàng trữ và tổ chức sử dụng nhiều lần nên cần thiết phải xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm đề răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung, đồng thời cũng tạo điều kiện cho các bị cáo cai nghiện.

[7] Hành vi mua bán trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Ngọc T1, Nguyễn Hữu Thanh P1, Nguyễn Thị Thùy M2, Hồ Hải T3, Nguyễn Thị Kim A và Lê Hải A là nguy hiểm cho xã hội, đã không chỉ trực tiếp

xâm phạm đến nền trật tự công cộng, đến các quy định của nhà nước về chính sách quản lý các chất gây nghiện mà các bị cáo còn tiếp tay cho tệ nạn ma túy ngày càng phát triển, góp phần làm xấu đi tình hình trật tự trị an xã hội. Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, ma túy là một tệ nạn xã hội nguy hiểm, nó không chỉ hủy hoại sức khỏe con người mà còn là nguyên nhân lây lan, phát triển căn bệnh HIV-AIDS và là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác. Vì những tác hại của ma túy nên Đảng và Nhà nước ta cũng như các quốc gia khác trên thế giới luôn kiên quyết đấu tranh loại trừ ra khỏi đời sống xã hội đối với loại tội phạm này. Bản thân các bị cáo có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình, biết rõ tác hại của ma túy nhưng chỉ vì để thỏa mãn cơn nghiện của bản thân, các bị cáo Trần Ngọc T1, Nguyễn Thị Thùy M2, Hồ Hải T3 đã mua ma túy, chuẩn bị địa điểm, dụng cụ để tổ chức sử dụng trái phép; còn các bị cáo Trần Ngọc T1, Nguyễn Hữu Thanh P1, Nguyễn Thị Kim A, Lê Hải A chỉ vì để thỏa mãn cơn nghiện vừa có tiền tiêu xài, các bị cáo đã sa vào con đường phạm tội, trở thành người bán lẻ ma túy cho các đối tượng nghiện hút khác, tiếp tay cho bọn buôn ma túy nên cần thiết phải xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm để răn đe, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung.

[8] Về vai trò đồng phạm trong vụ án trộm cắp tài sản: Trong vụ án này, tuy các bị cáo Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q cùng tham gia thực hiện tội phạm nhưng không có sự câu kết chặt chẽ với nhau, không phân công vai trò cụ thể của từng người và cũng không có sự điều khiển của người nào, việc phạm tội chỉ mang tính bộc phát nên đây chỉ là dạng đồng phạm giản đơn, chỉ vì nghiện ngập và thiếu tiền tiêu xài nên Phạm Thành Đ đã chủ động khởi xướng, rủ rê Trần Ngọc Minh Q trộm cắp tài sản của Công ty TNHH T10, Đ là người trực tiếp thực hiện tội phạm nên phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò là người chủ mưu và người thực hành; còn Trần Ngọc Minh Q sau khi tiếp nhận ý chí từ Đ, đã không can ngăn mà còn tích cực tham gia cảnh giới cho Đ thực hiện tội phạm nên Q phải chịu trách nhiệm với vai trò đồng phạm giúp sức. Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và mức độ tham gia của từng bị cáo để phân hóa khi quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm, đảm bảo tính công bằng đối với từng bị cáo trong vụ án.

[9] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[9.1] Trong khoảng thời gian từ ngày 14/5/2024 đến ngày 30/5/2024, bị cáo Phạm Thành Đ một mình thực hiện 06 lần trộm cắp tài sản của Công ty TNHH T10. Ngoài ra, từ ngày 20/5/2024 đến ngày 23/5/2024, Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q cùng thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản tại nhà kho Công ty TNHH T10, trong đó mỗi lần các bị cáo tham gia đều cách nhau khoảng một thời gian nhất định, các lần thực hiện hành vi vi phạm lên cùng một đối tượng, xâm phạm trực tiếp đến cùng một khách thể, trong mỗi lần thực hiện hành vi đều có đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập nên phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội trộm cắp tài sản với tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9.2] Lần phạm tội này của bị cáo Phạm Thành Đ thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự thì đây đã là yếu tố định khung hình phạt của tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” nên không

được coi là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9.3] Các bị cáo Trần Ngọc T1, Nguyễn Hữu Thanh P1, Nguyễn Thị Thùy M2, Hồ Hải T3, Nguyễn Thị Kim A và Lê Hải A không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[10] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra các bị cáo Phạm Thành Đ, Trần Ngọc Minh Q, Nguyễn Hữu Thanh P1, Hồ Hải T3, Nguyễn Thị Kim A và Lê Hải A đều tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án nhằm nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án (đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T ghi nhận trong Bản kết luận điều tra vụ án hình sự đề nghị truy tố số 281/BKL-ĐTTH ngày 08 tháng 11 năm 2024 và Bản kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự số 49/BKL-ĐTTH ngày 23 tháng 01 năm 2025) nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Trần Ngọc T1 và Lê Hải A sau khi phạm tội các bị cáo đã tích cực tác động gia đình giao nộp lại toàn bộ khoản tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội thể hiện thái độ chấp hành pháp luật; bên cạnh đó bị cáo Trần Ngọc T1 có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình (đang phải nuôi mẹ đẻ bị bệnh và nuôi con nhỏ), đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[11] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Trần Ngọc T1, Nguyễn Hữu Thanh P1, Nguyễn Thị Kim A và Lê Hải A phạm tội nhằm mục đích thu lợi bất chính. Do đó, cần áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, phạt tiền mỗi bị cáo 10.000.000đ (Mười triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Riêng đối với các bị cáo Phạm Thành Đ, Trần Ngọc Minh Q, Nguyễn Thị Thùy M2 và Hồ Hải T3, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do với thu nhập thấp, không ổn định, không có tài sản riêng và hoàn cảnh điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Phạm Thành Đ, Trần Ngọc Minh Q, Nguyễn Thị Thùy M2 và Hồ Hải T3.

[12] Về các biện pháp tư pháp:

[12.1] Đối với khoản thu lợi bất chính: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Nguyễn Hữu T7 P1 khai từ việc mua ma túy của Trần Ngọc T1 và H3 sau đó về bán lại cho Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q, P1 đã thu lợi được tổng cộng số tiền 800.000 đồng; còn Nguyễn Thị Kim A khai từ việc mua ma túy của Lê Hải A sau đó bán lại cho Hồ Hải T3, Kim A đã thu lợi số tiền 250.000 đồng. Đây là khoản thu lợi bất chính từ việc Nguyễn Hữu Thanh P1 và Nguyễn Thị Kim A phạm tội, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự cần buộc các bị cáo Nguyễn Hữu Thanh P1 và Nguyễn Thị Kim A nộp lại khoản tiền này để sung vào ngân sách nhà nước.

[12.2] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Công ty TNHH T10 đã nhận lại 13 (mười ba) máy tính bảng hiệu S1, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb do các bị cáo Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q trộm cắp. Riêng đối với 08 (tám) máy tính bảng hiệu Samsung, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb không thu hồi được, quá trình điều tra Công ty TNHH T10 không có yêu cầu các bị cáo Phạm Thành Đ và

Trần Ngọc Minh Q, bị đơn dân sự Công ty Cổ phần D4 phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét trong vụ án này.

[12.3] Về xử lý vật chứng:

[12.3.1] Cơ quan Công an thu giữ 02 (hai) gói ny lông bên trong có chứa tinh thể không màu (sau khi đã sử dụng phục vụ giám định thì trọng lượng còn lại 01 gói là 0,6723 gram Methamphetamine và 01 gói là 0,2926 gram Ketamine); 01 (một) gói ny lông bên trong có chứa tinh thể trong suốt (sau khi đã sử dụng phục vụ giám định thì trọng lượng còn lại 0,1668 gram Methamphetamine) và 01 (một) túi ny lông màu trắng bên trong có chứa thảo mộc không dạng xay nhuyễn (là cần sa, trọng lượng còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định là 0,5299 gram) là chất ma túy là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[12.3.2] Đối với 01 (một) vỏ hộp nước hoa Doci Perfume bên trong có chứa: 01 nỏ thủy tinh, 01 ống hút bằng nhựa, 01 vỏ chai nước sting nắp chai có khoét 02 lỗ; 01 (một) hột quạt hiệu Hoa Việt; 01 (một) bình thủy tinh có cắm 01 nỏ thủy tinh và 01 ống hút nhựa; 01 (một) hột quạt gas; 02 túi xách; 01 (một) cục xay bằng kim loại màu đỏ hình trụ dùng để say nhuyễn cần sa; 01 (một) cân điện tử màu bạc dùng để cân trọng lượng cần sa; 01 (một) chiếc tẩu hình chữ T bằng kim loại màu xám có gắn ống thủy tinh dùng để hút cần sa; 01 (một) cái đĩa sứ hình tròn, màu trắng, đường kính 18cm, phần đáy đĩa có vết ám màu đen là công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[12.3.3] Đối với 27 (hai mươi bảy) hộp máy tính bảng S1 có mã SM-T225 dung lượng 32GB thu giữ của Công ty TNHH T10, không phải là vật chứng của vụ án. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần trả lại cho Công ty TNHH T10 là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản trên.

[12.3.4] Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Galaxy A7 (2018) màu đen, imei 1: 353465101226254, imei 2: 353466101226252, có gắn 01 sim số 0397913185; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu xám; 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 (số seri máy: R5CWC2RXCBT, IMEI 1: 350518430312968, IMEI 2: 355338500912964); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu trắng, imei: 353978109025015, Imei 2: 353978109346817 có gắn 01 sim; 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi 12X màu bạc 128GB, imei 1: 867129053953534, Imei 2: 867129053953542; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen, dung lượng 256GB, imei: 354858090251771 bị bề mặt hình là phương tiện liên lạc các bị cáo Nguyễn Hữu Thanh P1, Trần Ngọc Minh Q, Hồ Hải T3, Trần Ngọc T1, Nguyễn Thị Kim A, Nguyễn Thị Thùy M2 và Lê Hải A dùng vào việc phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[12.3.5] Đối với 01 (một) quần tây đen dài; 01 (một) áo bảo vệ xanh; 01 (một) quần tây đen dài và 01 (một) áo bảo vệ màu xanh tay dài là bộ trang phục Trần Ngọc Minh Q và Phạm Thành Đ mặc tại thời điểm gây án, không phải là vật chứng của vụ án. Tại phiên tòa các bị cáo không yêu cầu nhận lại và không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[12.3.6] Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 Fold2 5G, số seri máy: R5CNC0WE39Y, IMEI 1: 354156124775182, IMEI 2: 359662904775180 của Trần Ngọc T1, không phải là vật chứng của vụ án, cần trả lại cho bị cáo T1 nhưng tạm giữ chiếc điện thoại trên để đảm bảo thi hành án.

[12.3.7] Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 4G màu xanh dương, Imei: 355406842699746 của Nguyễn Thị Kim A, không phải là vật chứng của vụ án, cần trả lại cho bị cáo Kim A nhưng tạm giữ chiếc điện thoại trên để đảm bảo thi hành án.

[12.3.8] Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 Galaxy Z F0LD3 5G màu vàng hồng, I: 35101429342949/0 thu giữ của Nguyễn Thị Mỹ D1, không phải là vật chứng của vụ án. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ D1 là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản trên.

[12.3.9] Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A32 màu trắng của thu giữ bà Nguyễn Thị Bé C, không phải là vật chứng của vụ án. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần trả lại cho bà Nguyễn Thị Bé C là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản trên.

[12.3.10] Đối với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng do gia đình các bị cáo Trần Ngọc T1 và Lê Hải Á tự nguyện giao nộp (trong đó của Trần Ngọc T1 là 200.000 đồng và của Lê Hải Á là 100.000 đồng). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, T1 và Á khai từ việc mua bán ma túy, T1 đã thu lợi số tiền 200.000 đồng, còn Á thu lợi số tiền 100.000 đồng. Xét đây là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 300.000 đồng.

[12.3.11] Đối với 13 (mười ba) máy tính bảng hiệu S1, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb là tài sản các bị cáo Phạm Thành Đ và Trần Ngọc Minh Q trộm cắp của Công ty TNHH T10. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là Công ty TNHH T10 đúng theo quy định, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lại.

[13] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và mức án đối với các bị cáo Phạm Thành Đ, Trần Ngọc Minh Q, Trần Ngọc T1 (về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy), Nguyễn Hữu Thanh P1, Nguyễn Thị Thùy M2, Hồ Hải T3, Nguyễn Thị Kim A và Lê Hải Á là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần được chấp nhận. Riêng mức án Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo Trần Ngọc T1 về tội danh mua bán trái phép chất ma túy có phần nghiêm khắc đối với bị cáo.

[14] Theo kết quả điều tra xác định Đỗ Thị L2 là người mua 08 máy tính bảng hiệu Samsung, loại SM – T225, dung lượng bộ nhớ 32Gb từ Phạm Thành Đ, nhưng do không biết những máy tính bảng này có nguồn gốc từ việc Phạm Thành Đ trộm cắp mà có. Vì vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự Đỗ Thị L2 về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là có căn cứ.

[15] Đối với đối tượng người đàn ông bán ma túy cho Trần Ngọc Minh Q tại C, chưa xác định được nhân thân lai lịch, khi nào làm rõ sẽ được xử lý sau.

[16] Đối với đối tượng tên “T8” giới thiệu cho Trần Ngọc T1 bán ma túy cho Nguyễn Hữu Thanh P1 và đối tượng người đàn ông tên “H3” bán ma túy cho Trần

Ngọc T1 và Nguyễn Hữu Thanh P1, chưa xác định được nhân thân lai lịch, khi nào làm rõ sẽ được xử lý sau.

[17] Đối với đối tượng bán ma túy cho Lê Hải Á qua mạng Internet, chưa xác định được nhân thân lai lịch, khi nào làm rõ sẽ được xử lý sau.

[18] Theo kết quả điều tra xác định, Đỗ Thị Ngọc C1 là người cho Trần Ngọc T1 và Nguyễn Thị Thùy M2 thuê căn hộ TB1-17-15 chung cư B, tại số A P, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do không biết T1 và M2 thuê căn hộ trên để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự Đỗ Thị Ngọc C1 về hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ.

[19] Theo kết quả điều tra xác định, Trần Thị Hoàng A1 (chị họ của Trần Ngọc T1) là người cho T1 mượn chiếc xe máy hiệu Honda SH mode biển số 59E2-144.84. Do không biết T1 mượn xe làm phương tiện phạm tội và Hoàng A1 cũng không được hưởng lợi gì từ hành vi của T1 nên không có cơ sở xác định Trần Thị Hoàng A1 đồng phạm giúp sức với Trần Ngọc T1.

[20] Hồ sơ vụ án thể hiện Nguyễn Hữu Thanh P1 đã chuyển số tiền 7.200.000 đồng từ tài khoản 0071001078244 của Nguyễn Hữu Thanh P1 đến tài khoản số 0795630693 đứng tên Châu Xuân M6 mở tại Ngân hàng H4 để trả tiền mua ma túy cho Trần Ngọc T1 và H3. Quá xác minh đối tượng Châu Xuân M6 không có mặt tại địa phương, Cơ quan điều tra đã tách thành tin báo về tội phạm để tiếp tục xác minh làm rõ.

[21] Căn cứ vào kết quả điều tra xác định Nguyễn Thị Mỹ D1 không tham gia góp tiền mua hoặc cung cấp ma túy, không bố trí, sắp xếp, điếm, phương tiện và dụng cụ để thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy, mà D1 chỉ có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại căn hộ TB1-17.15 chung cư B, địa chỉ A P, Phường B, quận T, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý hình sự Nguyễn Thị Mỹ D1 về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cùng với nhóm của Trần Ngọc T1, Nguyễn Thị Thùy M2 và Hồ Hải T3 là có căn cứ. Về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Nguyễn Thị Mỹ D1, Công an quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối tượng này bằng hình thức phạt tiền là đúng quy định.

[22] Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án còn phản ánh tại thời điểm khám xét nơi ở của Hồ Hải T3 tại địa chỉ 1 Đ, Phường A, quận P, Cơ quan điều tra còn thu giữ 01 túi nylon chứa thảo mộc khô dạng xay nhuyễn và T3 khai nguồn gốc ma túy mua của Nguyễn Thị Kim A nhằm mục đích sử dụng. Theo Kết luận giám định số 6941/KL-KTHS ngày 14/6/2024 của Phòng K Công an Thành phố H kết luận: “*Thảo mộc khô được ký hiệu mẫu m cần giám định có khối lượng 0,9671g (không thấy chín sáu bảy một gam), là Cần sa*”. Hội đồng xét xử xét thấy, Hồ Hải T3 có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhưng có khối lượng cần sa dưới 01 kilôgam, qua xác minh T3 chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị kết án về các tội quy định tại Điều 248, 249, 250, 251 và 252 Bộ luật Hình sự. Do đó, hành vi của Hồ Hải T3 không đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[23] Về án phí hình sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng.

[24] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và bị đơn dân sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thành Đ phạm các tội “Trộm cắp tài sản”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, h khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt Phạm Thành Đ 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 09 (chín) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt buộc Phạm Thành Đ phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12-6-2024.

2. Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc Minh Q phạm các tội “Trộm cắp tài sản”, “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i khoản 1 Điều 249; điểm a khoản 2 Điều 255; khoản 1 Điều 323; Điều 38; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt Trần Ngọc Minh Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; 01 (một) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; tổng hợp hình phạt buộc Trần Ngọc Minh Q phải chấp hành hình phạt chung của bốn tội là 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12-6-2024.

3. Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc T1 phạm các tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm a khoản 1 Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt Trần Ngọc T1 08 (tám) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; 08 (tám) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; tổng hợp hình phạt buộc Trần Ngọc T1 phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12-6-2024.

4. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu Thanh P1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm b, i khoản 2 Điều 251; Điều 38 và điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt Nguyễn Hữu Thanh P1 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12-6-2024.

5. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Thùy M2 và Hồ Hải T3 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38 và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt Nguyễn Thị Thùy M2 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12-6-2024.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 38 và điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt Hồ Hải T3 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12-6-2024.

6. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thị Kim A và Lê Hải Â phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38 và điểm s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt Nguyễn Thị Kim A 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12-6-2024.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38 và điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt Lê Hải Â 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08-11-2024.

7. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tiếp tục tạm giam các bị cáo Phạm Thành Đ, Trần Ngọc Minh Q, Trần Ngọc T1, Nguyễn Hữu Thanh P1, Nguyễn Thị Thùy M2, Hồ Hải T3, Nguyễn Thị Kim A và Lê Hải Â với thời hạn 45 ngày để bảo đảm thi hành án, theo quyết định tạm giam của Hội đồng xét xử.

8. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Phạt tiền bị cáo Trần Ngọc T1 10.000.000đ (Mười triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Hữu Thanh P1 10.000.000đ (Mười triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Kim A 10.000.000đ (Mười triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Phạt tiền bị cáo Lê Hải Â 10.000.000đ (Mười triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Phạm Thành Đ, Trần Ngọc Minh Q, Nguyễn Thị Thùy M2 và Hồ Hải T3.

9. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

9.1. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Kim A nộp lại số tiền 250.000đ (Hai trăm năm mươi ngàn) đồng là khoản thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước.

9.2. Buộc bị cáo Nguyễn Hữu Thanh P1 nộp lại số tiền 800.000đ (T9 trăm ngàn) đồng là khoản thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước.

9.3. Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) gói ny lông bên trong có chứa tinh thể không màu (sau khi đã sử dụng phục vụ giám định thì trọng lượng còn lại 01 gói là 0,6723 gram Methamphetamine và 01 gói là 0,2926 gram Ketamine); 01 (một) gói ny lông bên trong có chứa tinh thể trong suốt (sau khi đã sử dụng phục vụ giám định thì trọng lượng còn lại 0,1668 gram Methamphetamine) và 01 (một) túi ny lông màu trắng bên trong có chứa thảo mộc không dạng xay nhuyễn (là cần sa, trọng lượng còn lại sau khi đã sử dụng phục vụ giám định là 0,5299 gram).

9.4. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) vỏ hộp nước hoa Doci Perfume bên trong có chứa: 01 nỏ thủy tinh, 01 ống hút bằng nhựa, 01 vỏ chai nước sting nắp chai có khoét 02 lỗ và 01 (một) hột quạt hiệu Hoa Việt; 01 (một) bình thủy tinh có cắm 01 nỏ thủy tinh và 01 ống hút nhựa; 01 (một) hột quạt gas; 02 túi xách; 01 (một) cục xay bằng kim loại màu đỏ hình trụ dùng để say nhuyễn cần sa; 01 (một) cân điện tử màu bạc dùng để cân trọng lượng cần sa; 01 (một) chiếc tàu hình chữ T bằng kim loại màu xám có gắn ống thủy tinh dùng để hút cần sa; 01 (một) cái đĩa sứ hình tròn, màu trắng, đường kính 18cm, phần đáy đĩa có vết ám màu đen.

9.5. Tịch thu tiêu hủy 01 (một) quần tây đen dài, 01 (một) áo bảo vệ xanh đã qua sử dụng; 01 (một) quần tây đen dài đã qua sử dụng và 01 (một) áo bảo vệ màu xanh tay dài đã qua sử dụng.

9.6. Giao trả 27 (hai mươi bảy) hộp máy tính bảng S1 có mã SM-T225 dung lượng 32GB cho Công ty TNHH T10.

9.7. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F7 màu đen; 01 (một) điện thoại di động hiệu Galaxy A7 (2018) màu đen, imei 1: 353465101226254, imei 2: 353466101226252, có gắn 01 sim số 0397913185; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro Max màu xám; 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 (số seri máy: R5CWC2RXCBT, IMEI 1: 350518430312968, IMEI 2: 355338500912964); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 màu trắng, imei: 353978109025015, Imei 2: 353978109346817 có gắn 01 sim; 01 (một) điện thoại di động hiệu Xiaomi 12X màu bạc 128GB, imei 1: 867129053953534, Imei 2: 867129053953542; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen, dung lượng 256GB, imei: 354858090251771, bị bể màn hình và số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng.

9.8. Giao trả 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 Fold2 5G (số seri máy: R5CNC0WE39Y, IMEI 1: 354156124775182, IMEI 2: 359662904775180) cho bị cáo Trần Ngọc T1, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

9.9. Giao trả 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia 105 4G màu xanh dương, Imei: 355406842699746 cho bị cáo Nguyễn Thị Kim A, nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

9.10. Giao trả 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 Galaxy Z F0LD3 5G màu vàng hồng, I: 35101429342949/0 cho bà Nguyễn Thị Mỹ D1.

9.11. Giao trả 01 (một) điện thoại di động hiệu S1 Galaxy A32 màu trắng cho bà Nguyễn Thị Bé C.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 95/BB/2025 ngày 09 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H; Biên lai thu tiền số 0016328 ngày 20 tháng 5 năm 2025 do Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh lập).

10. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; khoản 1 Điều 21 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Phạm Thành Đ, Trần Ngọc Minh Q, Trần Ngọc T1, Nguyễn Hữu Thanh P1, Nguyễn Thị Thùy M2, Hồ Hải T3, Nguyễn Thị Kim A và Lê Hải A mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

11. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và bị đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Tân Bình;
- Trại tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam khu vực quận Tân Bình;
- Trại tạm giam Chí Hòa – Phân trại tạm giam khu vực quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính

- Bị đơn dân sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.